

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Hệ thống tự trích xuất <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i>
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Theo E-HSMT <i>[Ghi địa điểm dự án]</i>
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói [Hệ thống tự động trích xuất].
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với loại hợp đồng theo thời gian: i. Giá hợp đồng bao gồm thù lao và chi phí khác cho chuyên gia được quy định tại Bảng giá Hợp đồng. ii. Giá trần là _____ <i>[ghi giá trị bằng đồng Việt Nam]</i> . Các khoản thanh toán cho Hợp đồng này không được vượt quá mức trần. Đối với các khoản thanh toán vượt quá mức trần, các bên phải ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, trong đó nêu rõ các nội dung dẫn đến việc thanh toán vượt mức trần. iii. Thù lao và chi phí khác cho chuyên gia

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu (i) thù lao được xác định trên cơ sở thời gian thực tế mỗi chuyên gia của nhà thầu thực hiện Dịch vụ sau ngày bắt đầu thực hiện Dịch vụ hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; và (ii) chi phí khác mà Nhà thầu phải chi trên thực tế một cách hợp lý để thực hiện dịch vụ.

- Các khoản thanh toán phải được thực hiện trên cơ sở mức thù lao và chi phí khác được quy định tại Bảng giá Hợp đồng.

- Điều chỉnh giá đối với chi phí thù lao (thù lao cho chuyên gia theo tháng hoặc theo ngày nêu tại Bảng giá hợp đồng): _____ [điền “áp dụng” hoặc “không áp dụng”.]

[Nếu Hợp đồng có thời hạn dưới 18 tháng, không áp dụng trượt giá đối với thù lao chuyên gia. Trường hợp không áp dụng trượt giá đối với mức thù lao, mức thù lao sẽ cố định trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.

Nếu Hợp đồng kéo dài trên 18 tháng, có thể quy định nội dung trượt giá đối với chi phí thù lao chuyên gia căn cứ mức lạm phát trong nước. Việc xác định trượt giá đối với chi phí thù lao cần căn cứ chỉ số giá tiền lương trong thời gian tính trượt giá. Trường hợp áp dụng trượt giá đối với lương chuyên gia, cần nêu rõ cách thức trượt giá].

(3) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.

(4) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Giá hợp đồng được trượt giá và thực hiện như sau:

- Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực;

- Trượt giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 13 **E-DKC**. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng

	<p>hợp đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [nêu rõ công thức tính trượt giá].
<p>E-ĐKC 10</p>	<p>10.1. Tạm ứng:</p> <p>Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 20% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế VAT) trong vòng 14 ngày làm việc theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, sau khi Bên A (chủ đầu tư) nhận được đủ các chứng từ hợp lệ và văn bản chấp thuận thanh toán của Bên A như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B - Biên bản bàn giao mặt bằng phục vụ công tác tư vấn; - Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực bằng “thời gian thực hiện gói thầu + 30 ngày” kể từ ngày phát hành; <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến khi chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3)</p>

Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán:

a. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản thụ hưởng của Bên B quy định trong hợp đồng. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng. Phí chuyển tiền Bên B chịu

b. Số lần và điều kiện thanh toán:

Tổng số lần thanh toán tối đa là: 02 lần, và tương ứng với khối lượng hoàn thành của từng đợt thanh toán.

- **Thanh toán lần 1:**

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 88% giá trị được nghiệm thu hoàn thành công việc trước thuế và **100% thuế VAT** (tạm thời chưa thanh toán cho bên B 12% giá trị chờ quyết toán), sau khi **Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ và văn bản chấp thuận thanh toán của Bên A** bao gồm:

- + Văn bản đề nghị thanh toán: 01 gốc và 01 bản sao;
- + Phiếu giá thanh toán (PL01) theo quy định tại quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025: 04 bản gốc

	<ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng. + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B. + Nhật ký giám sát thi công xây dựng công trình. + Ảnh chụp các công tác chuẩn bị và công tác triển khai thi công công trình (<i>là một phần của hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát</i>); + Báo cáo quá trình giám sát thi công của Bên B trình Bên A trước khi đóng điện. + Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định của nhà nước. + Báo cáo điều kiện khởi công công trình của Bên B. + Đề cương giám sát đã phê duyệt. + Thanh lý hợp đồng ký giữa hai bên. <p>- Thanh toán cuối cùng: Giá trị còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án và Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ và văn bản chấp thuận thanh toán của Bên A như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thanh toán: 01 gốc và 01 bản sao; + Phiếu giá thanh toán (PL01) theo quy định tại quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025: 04 bản gốc; <p>c. Hồ sơ thanh toán: Quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán: Hóa đơn GTGT, Phiếu giá thanh toán theo quy định (<i>QĐ 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 của EVNNPT</i>).</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày [<i>Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh</i>].

E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày [<i>Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư</i>].
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,6% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện).</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 7.513.000 VND (tương đương 12% giá trị dự toán gói thầu). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án.</p> <p>+ Do chất lượng:</p> <p>Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp</p>

	<p>đồng này thì bị Bên A phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>- Nhà thầu bị phạt hợp đồng sẽ được các đơn vị quản lý dự án thuộc EVNNPT lấy làm cơ sở để đánh giá uy tín của Nhà thầu khi tổ chức các gói đấu thầu khác (thuộc EVNNPT) trong vòng 12 tháng kể từ ngày thông báo bị phạt hợp đồng. Thông báo phạt hợp đồng sẽ được niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT để các đơn vị quản lý dự án thuộc EVNNPT tham chiếu.</p> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>Bên B phải bồi thường toàn bộ chi phí khắc phục thực tế trong các trường hợp sau:</p> <p>a/ Thiết kế vi phạm qui định kỹ thuật làm giảm chất lượng của công trình gây sụp đổ, hư hại;</p> <p>b/ Vật tư, Thiết bị sản xuất ra không sử dụng được hoặc không lắp đặt được do nguyên nhân của thiết kế;</p> <p>c/ Hư hỏng bất cứ tài sản nào mà hư hỏng này phát sinh do thiết kế hoặc do sự thiếu trách nhiệm, cố ý hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên B.</p> <p>d/ Nếu sửa đổi thiết kế do lỗi của Bên B dẫn đến chậm tiến độ dự án thì Bên B sẽ bị phạt 12% giá trị của hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: _____</p> <p>- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;</p> <p>- Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn</p>

	<p>khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. <p>Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: _____</p> <p>Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán.</p> <p>Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định</p>
<p>E-ĐKC 22.2</p>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.

	<p>- Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>